

Số: 06/2020/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 11 tháng 3 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; Sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh;

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Dương Đức T; Sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Mông;

Địa chỉ: Trạm Y tế xã S, huyện Y, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H và anh Dương Đức T nhất trí thoả thuận thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 01/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2016 từ 1.000.000^d lên mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000^d/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi con chung (cháu Dương Khánh N) đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, người nhận và quản lý tiền là chị Lê Thị H, địa chỉ Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu lãi suất chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian và số tiền chậm cấp dưỡng theo quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Anh Dương Đức T chịu 75.000^d án phí dân sự sơ thẩm đồng thời tự nguyện chịu 75.000^d phần án phí mà chị H phải nộp. Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Dương Đức T phải nộp là 150.000^d.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định này thay thế mức cấp dưỡng tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Y đã ban hành.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Chiều